

Công ước của hội đồng châu âu

Về tội phạm mạng

(Budapest ngày 23/11/2001)

Lời nói đầu

Các quốc gia thành viên Hội đồng châu Âu và các quốc gia ký tên dưới đây:

Lưu ý rằng mục đích của Hội đồng châu Âu là hướng tới sự thống nhất cao hơn giữa các quốc gia thành viên;

Thừa nhận giá trị của việc tăng cường hợp tác với các quốc gia khác tham gia Công ước;

Phúc đáp nhu cầu bức thiết về việc áp dụng một chính sách hình sự chung nhằm bảo vệ xã hội trước tội phạm bằng việc xây dựng luật phù hợp và tăng cường hợp tác quốc tế;

ý thức được những thay đổi to lớn từ quá trình số hoá, tin học hoá, sự hội tụ và toàn cầu hoá mạng máy tính;

Lo ngại về những rủi ro mà mạng máy tính và thông tin điện tử được sử dụng để thực hiện các hành vi phạm tội trong khi các chứng cứ liên quan đến tội phạm được lưu trữ và truyền tải bởi các mạng này;

Thừa nhận nhu cầu hợp tác giữa các nước với khu vực tư nhân trong việc chống tội phạm mạng và nhu cầu bảo vệ lợi ích hợp pháp trong việc sử dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Tin tưởng rằng việc đấu tranh có hiệu quả với tội phạm mạng đòi hỏi sự hợp tác quốc tế nhanh, hiệu quả và không ngừng được tăng cường về các vấn đề hình sự;

Được thuyết phục rằng công ước này là cần thiết để ngăn ngừa các hành vi chống lại sự bí mật, tính toàn vẹn và sẵn có của các hệ thống máy tính, mạng và dữ liệu máy tính, chống lại sự sử dụng sai lạc hệ thống, mạng và dữ liệu bằng việc tội phạm hoá các hành vi này, như được quy định trong Công

ước, và việc áp dụng các quyền năng đầy đủ cho việc chống lại các hành vi phạm tội đó một cách hiệu quả, bằng việc hỗ trợ quá trình phát hiện, điều tra và truy tố ở cả cấp độ quốc gia, quốc tế và bằng việc cung cấp những sự dàn xếp giúp cho việc hợp tác quốc tế được nhanh và đáng tin cậy.

ý thức sự cần thiết đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa lợi ích của việc thực thi pháp luật và việc tôn trọng các quyền con người cơ bản đã được ghi nhận trong công ước năm 1981 của Hội đồng châu Âu về bảo vệ cá nhân đối với việc tự động xử lý thông tin cá nhân;

Có cần nhắc đến công ước năm 1989 của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và Công ước năm 1999 của Tổ chức lao động quốc tế về các hình thức lao động tồi tệ đối với trẻ em;

Tính đến sự tồn tại của các Công ước của Hội đồng châu Âu về hợp tác trong lĩnh vực hình sự cũng như các công ước tương tự của các quốc gia thành viên Hội đồng châu Âu và các quốc gia khác. Nhấn mạnh rằng Công ước này được xây dựng để bổ xung cho những Công ước đã nêu góp phần làm cho quá trình điều tra tội phạm, các thủ tục tố tụng hình sự liên quan đến hệ thống máy tính và dữ liệu máy tính được hiệu quả hơn và tạo khả năng cho việc thu nhập chứng cứ dưới hình thức điện tử củ tội phạm hình sự;

Chào đón những diễn tiến mới đây trong sự hiểu biết và hợp tác quốc tế về chống tội phạm mạng, bao gồm những biện pháp do Liên hợp quốc, các nước OECD, Liên minh châu Âu và G8 thực hiện;

Ghi nhớ đến các Đề xuất số R. (85) 10 của Hội đồng Bộ trưởng về việc áp dụng thực tế Công ước châu Âu về tương trợ trong lĩnh vực hình sự liên quan đến hành vi cản trở hoạt động viễn thông, Đề xuất số R. (88) 2 về vi phạm bản quyền trong lĩnh vực quyền tác giả và quyền kế thừa, Đề xuất số R. (87) 15 điều chỉnh việc sử dụng thông tin cá nhân trong lĩnh vực điều tra , Đề xuất số R. (95) 4 về việc bảo vệ thông tin cá nhân trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông, với sự lưu ý đặc biệt tới dịch vụ điện thoại, cũng như đề xuất số R. (89) 9 về tội phạm liên quan đến máy tính quy định các định hướng đối với nghị viện các nước về định nghĩa một số loại tội phạm máy tính và Đề xuất số R

(95) 13 về các vấn đề luật tốt tụng hình sự của các nước liên quan đến công nghệ thông tin.

Dẫn chiếu đến Nghị quyết số 1 do Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp châu Âu tại Kỳ họp số 21 (ngày 10 và 11/6/1997 tại Praha) có khuyến nghị rằng Hội đồng Bộ trưởng nên ủng hộ dự án về tội phạm mạng do Ủy ban châu Âu về các vấn đề tội phạm (CDPC) thực hiện để làm cho các quy định pháp luật hình sự tương thích với nhau hơn và tạo khả năng sử dụng các phương tiện hiệu quả để điều tra các loại tội ấy, cũng như Nghị quyết số 3 được thông qua tại Kỳ họp số 23 của Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp châu Âu (ngày 08 và 09/6/2000 tại Luân Đôn) trong đó khuyến khích các bên tham gia đàm phán theo đuổi các nỗ lực tìm ra các giải pháp phù hợp để tạo khả năng cho nhiều quốc gia nhất có thể trở thành thành viên của Công ước và ghi nhận nhu cầu đối với một hệ thống hợp tác quốc tế nhanh và hiệu quả, có tính đầy đủ các đòi hỏi cụ thể của cuộc chiến chống tội phạm mạng.

Dẫn chiếu đến chương trình hành động do Nguyên thủ các quốc gia thuộc Hội đồng châu Âu thông qua nhân dịp Hội nghị thượng đỉnh lần 2 (tại Strasbourg ngày 10 và 11/10/1997) về phản ứng chung đối với sự phát triển của công nghệ thông tin mới theo tiêu chuẩn và giá trị của Hội đồng châu Âu.

Đã đồng ý những điều sau đây:

Chương I

Việc sử dụng từ ngữ

Điều 1 : Định nghĩa

Trong công ước này

a. ‘ Hệ thống máy tính’ là bất cứ thiết bị hoặc nhóm thiết bị có liên hệ với nhau, thực hiện quá trình xử lý dữ liệu một cách tự động theo một chương trình định sẵn.

b. ‘Dữ liệu máy tính’ là bất cứ sự thể hiện tình tiết thực tế, thông tin hoặc khái niệm theo một hình thức tương thích với việc xử lý trong hệ thống

máy tính, bao gồm chương trình phù hợp với việc làm cho hệ thống máy tính thực hiện một chức năng nhất định.

c. ‘Nhà cung cấp dịch vụ’ có nghĩa :

(i) Một tổ chức (công hoặc tư) cung cấp khả năng liên lạc thông qua hệ thống máy tính cho người sử dụng dịch vụ ; và

(ii) Bất cứ tổ chức nào khác, thay mặt các tổ chức hoặc người sử dụng dịch vụ kể trên thực hiện việc xử lý hoặc lưu trữ dữ liệu máy tính ;

d. ‘Dữ liệu lưu thông’ là bất cứ dữ liệu máy tính nào liên quan đến việc liên lạc qua hệ thống máy tính hoặc được tạo ra bởi hệ thống máy tính trong trường hợp hệ thống máy tính là một phần của chuỗi liên lạc, chỉ ra nguồn gốc, đích tới, lộ trình, thời gian, ngày, kích cỡ, thời hạn hoặc loại dịch vụ nền tảng của việc liên lạc.

Chương II

Các biện pháp cần phải

Thực hiện ở cấp quốc gia

Mục 1

Luật hình sự

Nhóm 1

**Các tội phạm chống lại tính bí mật, toàn vẹn và
sắc có của dữ liệu máy tính và hệ thống máy
tính**

Điều 2: Truy cập bất hợp pháp

Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác quy định tội phạm trong luật quốc gia mình đối với các hình vi, được thực hiện một cách cố ý, truy cập toàn bộ hoặc một phần hệ thống máy tính mà không có quyền truy cập. Quốc gia thành viên có thể yêu cầu rằng chỉ coi

là đã có hành vi phạm tội khi có hành vi vi phạm các biện pháp an ninh, với ý định chiếm đoạn dữ liệu máy tính hoặc các ý định không trung thực khác, hoặc có liên hệ với một hệ thống máy tính được kết nối với hệ thống máy tính khác.

Điều 3. Ngăn chặn bất hợp pháp

Cá quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định tội phạm trong luật quốc gia mình đối với hành vi, được thực hiện một cách cố ý, ngăn chặn trong khi không có quyền ngăn chặn, bằng các biện pháp kỹ thuật việc truyền tải các dữ liệu máy tính không vì mục đích công, từ hoặc trong một hệ thống máy tính, bao gồm việc phát các tín hiệu điện từ từ hệ thống máy tính mang dữ liệu máy tính ấy. Quốc gia thành viên có thể yêu cầu rằng chỉ coi là đã có hành vi phạm tội khi hành vi ấy được thực hiện với ý định không trung thực, hoặc có liên quan đến một hệ thống máy tính được kết nối với hệ thống máy tính khác.

Điều 4: Gây rối dữ liệu

1. Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định tội phạm trong luật quốc gia mình đối với hành vi, được thực hiện một cách cố ý, làm hư hại, xoá, làm hỏng hoặc nén dữ liệu máy tính đối với người không có quyền làm việc ấy.

2. Quốc gia thành viên có thể bảo lưu quyền yêu cầu rằng hành vi mô tả trong khoản 1 phải gây ra thiệt hại nghiêm trọng.

Điều 5 : Gây rối hệ thống

Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định tội phạm trong luật quốc gia mình đối với hành vi, được thực hiện một cách cố ý, cản trở nghiêm trọng hoạt động của hệ thống máy tính đối với người không có quyền làm việc này, bằng việc đưa vào, truyền tải, làm hư hỏng, xoá, làm suy giảm, thay thế hoặc nén dữ liệu máy tính.

Điều 6 : Sử dụng sai lạc các thiết bị

1. Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định tội phạm trong luật quốc gia mình đối với hành vi, được thực hiện một cách cố ý của người không có quyền thực hiện.

a. Sản xuất, bán, đề nghị sử dụng, nhập khẩu, phân phối hoặc bằng các cách thức khác cung cấp.

(i) Thiết bị, bao gồm chương trình máy tính, được thiết kế hoặc được điều chỉnh để thực hiện hành vi phạm tội nêu từ Điều 2 đến Điều 5; hoặc.

(ii) Mã số truy cập của máy tính (password), mật mã truy cập hoặc dữ liệu tương tự mà nhờ mã số ấy toàn bộ hoặc một phần hệ thống máy tính có thể được truy cập với ý định sẽ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội quy định từ Điều 2 đến Điều 5.

b. Chiếm hữu các khoản mục nêu tại tiểu khoản (a.i) và (a.ii) kể trên với ý định cho người khác sử dụng để thực hiện các hành vi phạm tội quy định từ Điều 2 đến Điều 5. Quốc gia thành viên có thể bảo lưu quyền yêu cầu rằng phải chiếm hữu một số lượng nhất định các khoản mục kể trên thì mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Điều khoản này sẽ không được áp dụng để quy định trách nhiệm hình sự đối với hành vi sản xuất, bán, đề nghị sử dụng, nhập khẩu, phân phối hoặc bằng cách thức khác cung cấp hoặc chiếm hữu nêu tại khoản 1 điều này mà không vì mục đích thực hiện hành vi phạm tội quy định từ Điều 2 đến Điều 5 của Công ước này, chẳng hạn thử nghiệm hoặc bảo vệ hợp pháp hệ thống máy tính.

3. Quốc gia thành viên có quyền bảo lưu quyền không áp dụng khoản 1 Điều này với điều kiện là việc bảo lưu đó không liên quan đến việc bán, phân phối hoặc cung cấp các khoản mục nêu tại điểm (a.ii) của khoản 1 điều này.

Nhóm 2

*Các tội phạm liên quan đến máy
tính*

Điều 7: Hành vi giả mạo liên quan đến máy tính

Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định tội phạm trong luật quốc gia mình đối với hành vi, được thực hiện một cách cố ý, của người không được phép, đưa vào, thay đổi, xóa, hoặc nén dữ liệu máy tính, làm cho dữ liệu không còn chính xác với ý định rằng dữ liệu ấy sẽ được sử dụng cho các mục đích hợp pháp nếu nó là chính xác, bất kể dữ liệu có thể đọc hoặc nhận biết được trực tiếp hay không. Quốc gia thành viên có thể yêu cầu rằng chỉ coi là đã có hành vi phạm tội và phải chịu trách nhiệm hình sự khi hành vi ấy được thực hiện với ý định lừa đảo hoặc các ý định không trung thực khác.

Điều 8. Lừa đảo liên quan đến máy tính

Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định tội phạm trong luật quốc gia mình đối với hành vi, được thực hiện một cách cố ý, của người không được phép, gây thiệt hại về tài sản cho người khác bằng cách :

- a. Đưa vào, thay đổi, xóa hoặc nén dữ liệu máy tính;
- b. Bất cứ hành vi gây rối nào đối với sự vận hành của hệ thống máy tính.

Với ý định lừa đảo hoặc không trung thực nhằm thu lợi, quyền lợi kinh tế mà không được phép, cho mình hoặc cho người khác.

Nhóm 3

*Các tội phạm liên quan đến
nội dung*

Điều 9. Các tội phạm liên quan đến tài liệu khiêu dâm trẻ em

1. Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định tội phạm trong luật quốc gia mình đối với hành vi, được thực hiện một cách cố ý, của người không được phép.

- a. Sản xuất tài liệu khiêu dâm trẻ em để phát tán qua hệ thống máy tính hoặc
- b. Đề nghị cung cấp hoặc cung cấp tài liệu khiêu dâm trẻ em qua hệ thống máy tính hoặc
- c. Phát tán hoặc truyền tải tài liệu khiêu dâm trẻ em qua hệ thống máy tính hoặc.
- d. Mua tài liệu khiêu dâm trẻ em cho mình hoặc cho người khác thông qua hệ thống máy tính hoặc
- e. Sở hữu tài liệu khiêu dâm trẻ em trong hệ thống máy tính hoặc trong phương tiện lưu trữ dữ liệu máy tính.
2. Theo cách hiểu của khoản 1 điều này : ‘tài liệu khiêu dâm trẻ em’ bao gồm bất cứ tài liệu nào bằng hình ảnh mô tả.
- a. Người chưa thành niên thực hiện hành vi tình dục hoặc
- b. Người giống người chưa thành niên thực hiện hành vi tình dục hoặc
- c. Hình ảnh thực tế diễn tả người chưa thành niên thực hiện hành vi tình dục.
3. Theo cách hiểu của khoản 2 điều này, ‘người chưa thành niên’ là tất cả mọi người dưới 18 tuổi. Quốc gia thành viên có thể đưa ra giới hạn tuổi thấp hơn nhưng không được dưới 16 tuổi.
4. Quốc gia thành viên có quyền bảo lưu không áp dụng, toàn bộ hoặc một phần, các tiểu khoản d và e khoản 1, các tiểu khoản b và c khoản 2.

Nhóm 4

***Các tội phạm xâm phạm quyền tác giả
và quyền liên quan***

Điều 10. Tội phạm xâm phạm quyền tác giả và các quyền liên quan

1. Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định tội phạm trong luật quốc gia mình đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, như được định nghĩa về quyền tác giả trong luật của quốc gia

đó, phù hợp với các nghĩa vụ đã cam kết theo luật Paris ngày 24/7/1971 sửa đổi, bổ sung Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật, Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) và Công ước quyền tác giả của WIPO (Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới), trừ các quyền tinh thần quy định trong các công ước, khi hành vi này được thực hiện một cách cố ý, với quy mô có ý nghĩa về mặt thương mại và thông qua hệ thống máy tính.

2. Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định tội phạm trong luật quốc gia mình đối với hành vi xâm phạm quyền liên quan, như được định nghĩa về quyền liên quan trong luật của quốc gia đó, phù hợp với các nghĩa vụ đã cam kết theo công ước quốc tế bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất chương trình và tổ chức phát thanh (công ước Rome), Hiệp định TRIPS và công ước về chương trình âm thanh và các buổi biểu diễn của WIPO, không tính đến các quyền tinh thần quy định trong các công ước, khi hành vi này được thực hiện một cách cố ý, với quy mô có ý nghĩa về mặt thương mại và thông qua hệ thống máy tính.

3. Quốc gia thành viên có quyền bảo lưu không quy định trách nhiệm hình sự theo khoản 1 và 2 của Điều này trong một số trường hợp nhất định, nếu như có các biện pháp hiệu quả khác và sự bảo lưu đó không làm giảm nghĩa vụ quốc tế của quốc gia thành viên quy định trong các điều ước quốc tế nêu trong khoản 1 và 2 của điều này.

Nhóm 5

Trách nhiệm hỗ trợ và biện pháp chế tài

Điều 11 : Nỗ lực và hỗ trợ thực hiện hành vi phạm tội

1. Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định tội phạm trong luật quốc gia mình đối với hành vi, được thực hiện một cách cố ý, trợ giúp hoặc khuyến khích việc thực hiện các hành

vi phạm tội quy định từ điều 2 đến điều 10 công ước này với ý định mong muốn tội phạm đó được thực hiện.

2. Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định tội phạm trong luật quốc gia mình đối với hành vi, được thực hiện một cách cố ý, nỗ lực thực hiện một tội quy định từ điều 3 đến điều 5, Điều 7, Điều 8 và điều 9, 1a và c của công ước này.

3. Quốc gia thành viên có quyền bảo lưu không áp dụng một phần hoặc toàn bộ khoản 2 của Điều này.

Điều 12. Trách nhiệm của pháp nhân

1. Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để đảm bảo rằng pháp nhân phải chịu trách nhiệm đối với các hành vi phạm tội quy định trong công ước này, được bất cứ cá nhân nào thực hiện vì lợi ích của pháp nhân, nếu cá nhân ấy là đại diện hoặc một phần trong cơ quan của pháp nhân và nắm vị trí lãnh đạo trên cơ sở.

a. Thẩm quyền đại diện cho pháp nhân

b. Thẩm quyền ra quyết định nhân danh pháp nhân

c. Thẩm quyền thực hiện việc kiểm soát trong nội bộ pháp nhân

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 điều này, các quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng pháp nhân phải chịu trách nhiệm khi không thực hiện tốt việc giám sát hoặc kiểm soát của cá nhân đề cập trong khoản 1 làm cho tội phạm quy định trong công ước này được thực hiện bởi cá nhân hành xử theo thẩm quyền của mình vì lợi ích của pháp nhân.

3. Theo các nguyên tắc pháp lý của quốc gia thành viên, trách nhiệm của pháp nhân có thể là trách nhiệm hình sự, dân sự hoặc hành chính.

4. Trách nhiệm này được áp dụng mà không được làm sai lệch việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân đã thực hiện hành vi phạm tội.

Điều 13. Biện pháp chế tài và các biện pháp khác

1. Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để đảm bảo rằng các tội phạm quy định từ điều 2 đến điều 11 công ước

này được trừng trị bởi hệ thống chế tài tương xứng, hiệu quả và có tác dụng răn đe, bao gồm cả việc tước quyền tự do cá nhân.

2. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng pháp nhân phải chịu trách nhiệm phù hợp với các quy định tại điều 12 và bị áp dụng các biện pháp chế tài hình sự hoặc phi hình sự mang tính tương xứng, hiệu quả và có tính răn đe hoặc các biện pháp khác, bao gồm cả chế tài phạt tiền.

Mục 2

Luật tố tụng

Nhóm 1

<i>Các quy định chung</i>

Điều 14. Phạm vi các quy định tố tụng

1. Các quốc gia thành viên phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để xác lập thẩm quyền và trình tự, thủ tục quy định trong điều này phục vụ hoạt động điều tra hoặc tố tụng hình sự.

2. Trừ trường hợp được quy định cụ thể tại điều 21, các quốc gia thành viên phải áp dụng các thẩm quyền và trình tự, thủ tục nêu tại khoản 1 điều này đối với:

- a. Các tội phạm quy định từ điều 2 đến điều 11 của công ước này.
- b. Các tội phạm khác được thực hiện thông qua hệ thống máy tính và
- c. Việc thu thập chứng cứ dưới hình thức điện tử đối với một tội phạm

3.a. Quốc gia thành viên có quyền bảo lưu không áp dụng các biện pháp nêu tại Điều 20 chỉ đối với các tội hoặc loại tội nêu cụ thể trong bảo lưu, với điều kiện là các tội ấy không bị hạn chế hơn so với các tội bị áp dụng các biện pháp nêu tại điều 21. Quốc gia thành viên phải cân nhắc việc hạn chế những

bảo lưu như vậy để tạo khả năng cho việc áp dụng một cách rộng rãi nhất các biện pháp nêu tại điều 20.

b. Trường hợp quốc gia thành viên do những hạn chế trong pháp luật đang có hiệu lực tại thời điểm tham gia công ước này mà không thể áp dụng các biện pháp nêu tại điều 20 và điều 21 đối với các liên lạc được truyền tải trong một hệ thống máy tính của nhà cung cấp dịch vụ mà:

(i) Đang hoạt động vì lợi ích của một nhóm các nhà sử dụng có tính chất đóng và

(ii) Không sử dụng hệ thống liên lạc công cộng và không kết nối với hệ thống máy tính khác, bất kể là công cộng hay tư nhân.

Thì quốc gia đó có thể bảo lưu quyền không áp dụng các biện pháp đối với những loại liên lạc đó. Quốc gia thành viên có trách nhiệm cân nhắc việc hạn chế sự bảo lưu đó để tạo khả năng áp dụng một cách rộng rãi nhất các biện pháp được đề cập tại điều 20 và điều 21.

Điều 15. Điều kiện và biện pháp bảo vệ

1. Quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng việc thiết lập, thực thi và áp dụng các quyền năng và trình tự, thủ tục quy định trong điều này được tuân thủ theo các điều kiện và các biện pháp bảo vệ quy định trong luật của quốc gia mình, nhằm bảo vệ đầy đủ quyền con người và các quyền tự do, bao gồm các quyền phát sinh theo các nghĩa vụ mà quốc gia đã cam kết theo công ước năm 1950 của Hội đồng châu Âu về bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản, công ước năm 1966 của Liên hợp quốc về các quyền dân sự và chính trị và các điều ước quốc tế khác về nhân quyền trong đó có quy định nguyên tắc tương xứng.

2. Các điều kiện và biện pháp bảo vệ đó, phù hợp từ giác độ bản chất các quyền năng và trình tự, thủ tục, bao gồm sự giám sát tư pháp hoặc giám sát độc lập khác, các căn cứ biện minh cho sự áp dụng, giới hạn của phạm vi và thời hạn của các quyền năng và trình tự, thủ tục đó.

3. Trong phạm vi phù hợp với lợi ích công cộng, đặc biệt là việc thực thi công lý một cách công bằng, quốc gia thành viên phải cân nhắc ảnh hưởng

của các quyền năng và trình tự, thủ tục trong điều này đối với các quyền, trách nhiệm và lợi ích hợp pháp của các bên thứ ba.

Nhóm 2

Việc bảo quản khẩn cấp các dữ liệu máy tính đã được lưu trữ

Điều 16. Bảo quản khẩn cấp các dữ liệu máy tính đã được lưu trữ

1. Các quốc gia thành viên công ước phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để tạo khả năng cho các cơ quan chức năng ra lệnh hoặc thực hiện các biện pháp tương tự để bảo quản khẩn cấp các dữ liệu máy tính nhất định, bao gồm cả dữ liệu lưu thông, đã được lưu trữ bởi hệ thống máy tính, nhất là khi có căn cứ để cho rằng dữ liệu máy tính này đặc biệt dễ bị mất hoặc thay đổi.

2. Trường hợp quốc gia thành viên công ước đảm bảo hiệu lực của khoản 1 điều này bằng quy định ra lệnh cho một người phải giữ gìn dữ liệu máy tính đã được lưu trữ thuộc sự chiếm hữu, quản lý của người đó, quốc gia thành viên công ước phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để quy định người này có nghĩa vụ giữ gìn và duy trì sự toàn vẹn của dữ liệu máy tính đó trong một thời gian cần thiết, không quá 90 ngày, để tạo khả năng cho các cơ quan chức năng có được các thông tin từ dữ liệu. Quốc gia thành viên có thể quy định việc gia hạn lệnh kể trên.

3. Quốc gia thành viên phải ban hành luật hoặc các biện pháp cần thiết khác buộc người giữ gìn dữ liệu máy tính đảm bảo sự bí mật về hành vi tố tụng đó trong một thời hạn được luật của quốc gia mình quy định

4. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục nêu tại điều này sẽ được thực hiện như quy định tại điều 14 và điều 15

Điều 17. Bảo quản khẩn cấp và tiết lộ một phần dữ liệu lưu thông

1. Đối với dữ liệu lưu thông được bảo quản theo quy định tại điều 16, quốc gia thành viên công ước phải ban hành luật hoặc thực hiện các biện pháp cần thiết khác để.

a. Bảo đảm rằng việc bảo quản khẩn cấp dữ liệu lưu thông là sẵn có bất kể có bao nhiêu nhà cung cấp dịch vụ liên quan đến việc truyền tải liên lạc đó; và

b. Bảo đảm rằng việc tiết lộ nhanh chóng cho cơ quan chức năng của quốc gia thành viên công ước, hoặc người được chỉ định bởi cơ quan đó, một lượng dữ liệu lưu thông đủ để tạo khả năng cho quốc gia thành viên này nhận ra các nhà cung cấp dịch vụ và đường truyền liên lạc đó.

2. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục đề cập trong điều này sẽ được thực hiện như quy định tại điều 14 và điều 15

Nhóm 3

Lệnh xuất trình

Điều 18. Lệnh xuất trình

1. Quốc gia thành viên công ước phải ban hành luật hoặc các biện pháp cần thiết để trao thẩm quyền cho cơ quan chức năng ra lệnh:

a. Người trong lãnh thổ của mình đệ trình dữ liệu máy tính được yêu cầu thuộc sự chiếm hữu, quản lý của người đó hiện đang được lưu trữ trong hệ thống máy tính hoặc phương tiện lưu trữ dữ liệu máy tính; và

b. Nhà cung cấp dịch vụ đang cung cấp dịch vụ trong lãnh thổ của mình đệ trình thông tin về người đăng ký dịch vụ có liên quan đến dịch vụ đó đang thuộc sự chiếm hữu, quản lý của nhà cung cấp dịch vụ.

2. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục nêu tại điều này được thực hiện theo các quy định tại điều 14 và điều 15

3. Trong điều này, từ ‘thông tin về người đăng ký dịch vụ’ được hiểu là bất cứ thông tin nào dưới hình thức dữ liệu máy tính hoặc các hình thức khác

mà nhà cung cấp dịch vụ đang nắm giữ, có liên quan tới người đăng ký sử dụng dịch vụ nhưng không phải là dữ liệu lưu thông hoặc dữ liệu nội dung mà bằng thông tin ấy có thể xác định được.

a. Loại dịch vụ liên lạc được sử dụng, các quy định kỹ thuật được áp dụng và thời hạn cung cấp dịch vụ

b. Thông tin nhận dạng của người đăng ký dịch vụ, địa chỉ bưu điện hoặc địa chỉ địa lý, điện thoại và số tiếp cận khác, thông tin về thanh toán và cách tính cước được cung cấp theo thoả thuận cung cấp dịch vụ.

c. Các thông tin khác tại địa điểm lắp đặt các phương tiện liên lạc, được cung cấp theo thoả thuận cung cấp dịch vụ.

Nhóm 4

***Khám xét và thu giữ dữ liệu
máy tính đã được lưu trữ***

Điều 19: Khám xét và thu giữ dữ liệu máy tính đã được lưu trữ

1. Quốc gia thành viên công ước phải ban hành luật hoặc các biện pháp cần thiết khác để trao thẩm quyền cho cơ quan chức năng thực hiện việc khám xét hoặc các biện pháp tương tự truy cập.

a. Hệ thống máy tính hoặc một phần của hệ thống máy tính và các dữ liệu máy tính được lưu trữ ở trong đó và

b. Phương tiện lưu trữ dữ liệu máy tính trong đó dữ liệu máy tính có thể đã được lưu trữ thuộc lãnh thổ của quốc gia mình.

2. Quốc gia thành viên công ước phải ban hành luật hoặc các biện pháp cần thiết khác để bảo đảm rằng, khi cơ quan chức năng thực hiện việc khám xét hoặc các biện pháp tương tự truy cập hệ thống máy tính nhất định hoặc một phần của hệ thống ấy phù hợp với quy định tại khoản 1a điều này và có căn cứ hợp lý để tin rằng dữ liệu mình cần tìm kiếm đang được lưu trữ trong hệ thống máy tính khác hoặc trong một phần của hệ thống máy tính khác

thuộc lãnh thổ quốc gia mình mà giữ liệu ấy được tiếp cận một cách hợp pháp hoặc sẵn có đối với hệ thống máy tính đầu tiên, cơ quan chức năng sẽ có khả năng mở rộng một cách nhanh chóng việc khám xét hoặc các biện pháp tương tự để truy cập hệ thống máy tính khác.

3. Quốc gia thành viên công ước phải ban hành luật hoặc các biện pháp cần thiết khác để trao thẩm quyền cho cơ quan chức năng thực hiện việc thu giữ hoặc các biện pháp tương tự khác bảo đảm an toàn cho dữ liệu máy tính đã được truy cập theo khoản 1 và khoản 2. Các biện pháp này bao gồm thẩm quyền thực hiện việc:

a. Thu giữ hoặc các biện pháp khác bảo đảm an toàn cho hệ thống máy tính hoặc một phần của hệ thống máy tính hoặc phương tiện lưu trữ dữ liệu máy tính.

b. Nhân bản hoặc giữ bản sao của dữ liệu máy tính này

c. Duy trì sự toàn vẹn của dữ liệu máy tính được lưu trữ có liên quan.

d. Làm cho không truy cập được hoặc mang các dữ liệu máy tính này ra khỏi hệ thống máy tính đã được truy cập

4. Quốc gia thành viên công ước phải ban hành luật hoặc các biện pháp cần thiết khác để trao thẩm quyền cho cơ quan chức năng buộc bất cứ người nào biết về các hoạt động của hệ thống máy tính hoặc các biện pháp được áp dụng để bảo vệ dữ liệu máy tính cung cấp, một cách hợp lý, các thông tin cần thiết, để tạo khả năng cho việc áp dụng các biện pháp đề cập trong khoản 1 và khoản 2 điều này.

5. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục nêu tại Điều này được thực hiện theo quy định tại điều 14 điều 15.

Nhóm 5

***Thu thập dữ liệu máy tính trong
thời gian thực***

Điều 20. Thu thập dữ liệu máy tính trong thời gian thực

1. Quốc gia thành viên công ước phải ban hành luật hoặc các biện pháp cần thiết khác để trao thẩm quyền cho cơ quan chức năng thực hiện:

a. Thu thập hoặc ghi lại, bằng cách áp dụng các biện pháp kỹ thuật trên lãnh thổ của quốc gia đó, hoặc

b. Hợp tác và hỗ trợ cơ quan chức năng trong việc thu thập và ghi lại dữ liệu lưu thông, trong thời gian thực, có gắn với các liên lạc đang được điều tra trong lãnh thổ quốc gia mình được truyền qua hệ thống máy tính.

2. Trường hợp quốc gia thành viên công ước, vì các nguyên tắc đã được quy định trong luật quốc gia mình không thể áp dụng các biện pháp nêu tại khoản 1.a, quốc gia này phải áp dụng các biện pháp pháp lý hoặc biện pháp khác thay thế cần thiết để bảo đảm việc thu thập hoặc ghi lại trong thời gian thực dữ liệu lưu thông gắn với các liên lạc được truyền tải trong lãnh thổ quốc gia mình thông qua việc áp dụng các phương tiện kỹ thuật trên lãnh thổ đó.

3. Quốc gia thành viên công ước phải ban hành luật hoặc các biện pháp cần thiết khác để quy định nghĩa vụ cho nhà cung cấp dịch vụ phải giữ bí mật đối với việc thực thi thẩm quyền quy định trong điều này và bất cứ thông tin nào liên quan tới việc thực thi ấy.

4. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục nêu tại điều này được thực hiện theo quy định tại điều 14 và điều 15

Điều 21. Chặn dữ liệu nội dung

1. Quốc gia thành viên phải ban hành luật hoặc các biện pháp cần thiết khác liên quan đến các loại tội phạm nghiêm trọng được quy định trong luật của quốc gia mình, để trao thẩm quyền cho các cơ quan chức năng thực hiện:

a. Thu thập hoặc ghi lại việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật trên lãnh thổ của quốc gia ấy, và

b. Buộc nhà cung cấp dịch vụ, trong khả năng kỹ thuật của mình

(i) Thu thập hoặc ghi lại thông qua việc áp dụng các phương tiện kỹ thuật trên lãnh thổ của quốc gia đó, hoặc

(ii) Hợp tác và hỗ trợ cơ quan chức năng thu thập hoặc ghi lại, dữ liệu nội dung, trong thời gian thực, của các liên lạc cụ thể trong lãnh thổ quốc gia mình được truyền tải qua hệ thống máy tính.

2. Trường hợp quốc gia thành viên Công ước, vì các nguyên tắc đã được quy định trong luật quốc gia mình, không thể áp dụng các biện pháp nêu tại khoản 1.a quốc gia này phải áp dụng các biện pháp pháp lý hoặc biện pháp khác thay thế cần thiết để bảo đảm việc thu thập hoặc ghi lại trong thời gian thực dữ liệu nội dung gắn với các liên lạc được truyền tải trong lãnh thổ quốc gia mình thông qua việc áp dụng các phương tiện kỹ thuật trên lãnh thổ đó.

3. Quốc gia thành viên công ước phải ban hành luật hoặc các biện pháp cần thiết khác để quy định nghĩa vụ cho nhà cung cấp dịch vụ phải giữ bí mật đối với việc thực thi thẩm quyền quy định trong điều này và bất cứ thông tin nào liên quan tới việc thực thi ấy.

4. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục nêu tại điều này được thực hiện theo quy định tại điều 14 và điều 15

Mục 3

Thẩm quyền tài phán

Điều 22 : Thẩm quyền tài phán

1. Quốc gia thành viên phải ban hành luật hoặc các biện pháp cần thiết khác để thiết lập thẩm quyền tài phán đối với bất cứ tội phạm nào quy định từ điều 2 đến điều 11 của công ước khi tội phạm ấy được thực hiện :

a. Trong lãnh thổ quốc gia mình ; hoặc

b. Trên tàu mang cờ hiệu của quốc gia mình; hoặc

c. Trên máy bay đăng ký theo luật của quốc gia mình; hoặc

d. Bồi công dân của quốc gia mình, nếu tội phạm bị trừng phạt theo luật hình sự nơi thực hiện hành vi hoặc khi tội phạm được thực hiện ngoài thẩm quyền tài phán của bất cứ quốc gia thành viên công ước.

2. Quốc gia thành viên công ước có quyền bảo lưu không áp dụng hoặc chỉ áp dụng trong một số trường hợp đặc biệt hoặc theo điều kiện nhất định quy tắc về thẩm quyền tài phán quy định từ khoản 1.b đến 1.d của điều này hoặc bất cứ phần nào trong đó.

3. Quốc gia thành viên công ước phải áp dụng các biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán đối với các tội phạm quy định tại khoản 1 điều 24 công ước, trong các trường hợp người bị cáo buộc là phạm tội đang có mặt trong lãnh thổ quốc gia mình và sẽ không dẫn độ người chỉ vì lý do quốc tịch của người đó sau khi có yêu cầu dẫn độ.

4. Công ước này không loại trừ bất cứ thẩm quyền tài phán về hình sự nào mà quốc gia thành viên công ước thực hiện theo luật của quốc gia mình.

5. Trường hợp nhiều quốc gia thành viên công ước đều cho rằng mình có thẩm quyền tài phán đối với hành vi phạm tội quy định trong công ước thì các quốc gia thành viên phải tham vấn với nhau, nếu thấy hợp lý, để xác định quốc gia hợp lý nhất nên tiến hành việc truy tố.

Chương III

Hợp tác quốc tế

Mục 1

Các nguyên tắc chung

Nhóm 1

***Các nguyên tắc chung liên quan
đến hợp tác quốc tế***

Điều 23 : Các nguyên tắc chung liên quan đến hợp tác quốc tế

Các quốc gia thành viên phải hợp tác với nhau, phù hợp với các quy định trong trưng này, và thông qua việc áp dụng các văn bản quốc tế về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hình sự, các thoả thuận hợp tác trên cơ sở luật hợp nhất hoặc có đi có lại, và luật của quốc gia mình, với phạm vi rộng nhất có thể để phục vụ việc điều tra, tố tụng liên quan đến các tội phạm hình sự có liên quan đến hệ thống máy tính và dữ liệu máy tính, hoặc để thu thập chứng cứ dưới hình thức điện tử.

<p style="text-align: center;">Nhóm 2</p> <p style="text-align: center;"><i>Các nguyên tắc liên quan đến việc dẫn độ</i></p>

Điều 24 : Dẫn độ

1.a. Điều luật này được áp dụng đối với việc dẫn độ giữa các quốc gia thành viên công ước đối với các tội phạm được quy định phù hợp với các điều từ điều 2 đến điều 11 công ước này với điều kiện tội phạm ấy bị trừng phạt về mặt hình sự theo pháp luật của cả hai quốc gia có liên quan với hình phạt tước đoạt tự do tối đa một năm trở lên hoặc bởi hình phạt nặng hơn.

b. Trường hợp các bên có thoả thuận về mức hình phạt nhẹ hơn vẫn bị dẫn độ theo nguyên tắc luật hợp nhất hoặc nguyên tắc có đi có lại hoặc theo các hiệp định dẫn độ, bao gồm công ước châu âu về dẫn độ tội phạm (ETS No.24), thì các thoả thuận này sẽ được ưu tiên áp dụng.

2. Các tội phạm được mô tả trong khoản 1 điều này được hiểu bao gồm cả loại tội phạm có thể bị dẫn độ theo hiệp định dẫn độ đang tồn tại giữa các quốc gia thành viên công ước.

3. Nếu một quốc gia thành viên công ước quy định việc dẫn độ phải có điều kiện là có hiệp định dẫn độ với quốc gia thành viên công ước khác, mà hiện tại giữa các quốc gia này chưa có hiệp định dẫn độ, thì quốc gia thành

viên công ước có thể coi công ước này là cơ sở pháp lý cho việc dẫn độ đối với các tội phạm quy định tại khoản 1 điều này.

4. Các quốc gia thành viên công ước không quy định việc dẫn độ phải có điều kiện là có hiệp định dẫn độ với quốc gia thành viên công ước khác thì các quốc gia này phải coi tội phạm quy định trong khoản 1 điều này là tội phạm có thể bị dẫn độ giữa các quốc gia thành viên công ước.

5. Việc dẫn độ phải tuân theo các điều kiện quy định bởi luật của quốc gia được yêu cầu dẫn độ hoặc bởi các hiệp định dẫn độ, bao gồm căn cứ mà quốc gia được yêu cầu dẫn độ từ chối việc dẫn độ.

6. Trường hợp việc dẫn độ đối với loại tội quy định tại khoản 1 điều này bị từ chối chỉ vì lý do quốc tịch của người bị yêu cầu dẫn độ hoặc bởi quốc gia được yêu cầu dẫn độ cho rằng mình có quyền tài phán đối với tội phạm này thì quốc gia được yêu cầu dẫn độ phải đệ trình vụ việc, theo yêu cầu của quốc gia yêu cầu dẫn độ, biết trong thời hạn hợp lý. Cơ quan chức năng này phải ra quyết định và tiến hành điều tra, tố tụng theo cách thức tương tự với cách thức áp dụng đối với loại tội có bản chất tương tự theo luật của quốc gia mình.

7.a. Quốc gia thành viên công ước, tại thời điểm ký kết hoặc khi ký thác văn bản phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập, phải thông báo cho tổng thư ký hội đồng châu Âu tên và địa chỉ của cơ quan chức năng chịu trách nhiệm đưa và tiếp nhận yêu cầu dẫn độ hoặc tạm giữ trong trường hợp không có hiệp định.

b. Tổng thư ký hội đồng châu Âu phải thiết lập và cập nhật bản đăng ký các cơ quan chức năng được chỉ định ở trên bởi quốc gia thành viên công ước. Quốc gia thành viên công ước phải bảo đảm rằng các chi tiết trên bản đăng ký luôn luôn chính xác.

Nhóm 3

***Nguyên tắc chung liên quan đến việc
tương trợ tư pháp***

Điều 25. Nguyên tắc chung liên quan đến việc tương trợ tư pháp

1. Quốc gia thành viên công ước phải đảm bảo cung cấp sự tương trợ tư pháp rộng lớn nhất có thể để phục vụ hoạt động điều tra hoặc tố tụng liên quan đến các tội phạm về hệ thống máy tính hoặc dữ liệu máy tính hoặc việc thu thập các chứng cứ dưới hình thức điện tử về các tội phạm.

2. Quốc gia thành viên công ước phải ban hành luật và các biện pháp cần thiết khác để thực hiện các nghĩa vụ quy định từ điều 27 đến điều 35.

3. Các quốc gia thành viên công ước, trong trường hợp khẩn cấp, có thể đưa ra các yêu cầu tương trợ tư pháp hoặc các liên lạc có liên quan bằng các phương tiện liên lạc nhanh, bao gồm fax hoặc thư điện tử, trong phạm vi mà các biện pháp ấy đảm bảo mức độ hợp lý về an ninh và tính xác thực (bao gồm cả về sử dụng mật mã khi cần thiết), với sự xác nhận chính thức sau đó, khi được yêu cầu bởi bên được yêu cầu tương trợ. Bên được yêu cầu tương trợ phải chấp nhận và phản hồi yêu cầu bằng phương thức liên lạc nhanh.

4. Trừ trường hợp được quy định cụ thể trong chương này, tương trợ tư pháp phải được thực hiện theo các điều kiện quy định trong luật của quốc gia được yêu cầu tương trợ hoặc theo các hiệp định tương trợ tư pháp, bao gồm cả các căn cứ bên được yêu cầu tương trợ có thể từ chối sự hợp tác. Bên được yêu cầu tương trợ không được từ chối tương trợ tư pháp về các tội phạm đề cập từ điều 2 đến điều 11 chỉ với lý do là yêu cầu đó liên quan đến tội phạm được coi là tội phạm ngân sách.

5. Tuy trường hợp, phù hợp với quy định của chương này, bên được yêu cầu tương trợ có thể buộc việc tương trợ tư pháp tuân theo các điều kiện về tội phạm kép. Điều kiện này được coi là thỏa mãn bất kể luật của các quốc gia có liên quan coi hành vi phạm tội có cùng một loại tội hay không, có cùng

tên gọi hay không, miễn là hành vi đó bị coi là tội phạm bởi luật của cả quốc gia yêu cầu dẫn độ và quốc gia được đề nghị dẫn độ.

Điều 26. Thông tin đột xuất

1. Quốc gia thành viên công ước có thể, trong phạm vi giới hạn luật quốc gia mình và không có yêu cầu trước, chuyển cho quốc gia thành viên công ước khác các thông tin thu thập được trong quá trình điều tra của mình nếu như quốc gia này thấy việc tiết lộ thông tin ấy có thể giúp cho quốc gia tiếp nhận thông tin khởi động hoặc tiến hành điều tra hoặc hoạt động tố tụng về tội phạm quy định trong công ước này hoặc có thể dẫn đến việc yêu cầu hợp tác bởi quốc gia đó theo quy định của chương này.

2. Trước khi cung cấp thông tin đó, quốc gia cung cấp thông tin có thể yêu cầu thông tin đó phải được giữ bí mật hoặc chỉ được sử dụng theo các điều kiện nhất định. Nếu quốc gia tiếp nhận thông tin không thể tuân thủ với các yêu cầu đó, quốc gia này phải thông báo cho quốc gia dự định cung cấp thông tin cân nhắc liệu có nên cung cấp thông tin không. Nếu quốc gia tiếp nhận thông tin chấp nhận các điều kiện của việc cung cấp thông tin thì các điều kiện này sẽ có giá trị ràng buộc đối với quốc gia này.

Nhóm 4

*Trình tự, thủ tục liên quan đến yêu cầu
tương trợ tư pháp trong trường hợp
không có điều ước quốc tế được áp*

Điều 27. Trình tự, thủ tục liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp trong trường hợp không có điều ước quốc tế được áp dụng

1. Trường hợp không có hiệp định tương trợ tư pháp hoặc các thỏa thuận về việc áp dụng luật thống nhất hoặc về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại điều chỉnh quan hệ giữa bên yêu cầu tương trợ và bên được yêu cầu

tương trợ, các quy định từ khoản 2 đến khoản 9 của điều này sẽ được áp dụng. Các quy định của điều này sẽ không được áp dụng trong trường hợp có các hiệp định, thoả thuận hoặc đạo luật đó tồn tại, trừ trường hợp các bên có liên quan thoả thuận đồng ý áp dụng tất cả hoặc bất cứ phần nào trong điều này thay thế cho các hiệp định, thoả thuận hoặc đạo luật đó.

2.a. Quốc gia thành viên công ước phải chỉ định một cơ quan chức năng ở trung ương chịu trách nhiệm về việc gửi và trả lời các yêu cầu về tương trợ tư pháp, việc thực thi các yêu cầu đó hoặc chuyển cho cơ quan chức năng để thực thi.

b. Các cơ quan trung ương này sẽ liên lạc trực tiếp với nhau

c. Quốc gia thành viên công ước, tại thời điểm ký kết hoặc ký thác văn bản phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc xin gia nhập, phải thông báo cho tổng thư ký hội đồng châu Âu tên, địa chỉ của cơ quan được chỉ định phù hợp với khoản này.

d. Tổng thư ký hội đồng châu Âu phải thiết lập và cập nhật một bản đăng ký các cơ quan trung ương được chỉ định bởi các quốc gia thành viên công ước. Các quốc gia thành viên công ước phải bảo đảm rằng các thông tin chi tiết mình cung cấp vào bản đăng ký của Hội đồng châu Âu là luôn luôn chính xác.

3. Các yêu cầu tương trợ tư pháp theo điều này phải ược thực thi phù hợp với các trình tự, thủ tục quy định bởi bên yêu cầu tương trợ trừ trường hợp không phù hợp với luật của quốc gia được yêu cầu tương trợ.

4. Quốc gia được yêu cầu tương trợ, bên cạnh các căn cứ từ chối quy định tại khoản 4 điều 25, có thể từ chối tương trợ nếu:

a. Yêu cầu liên quan đến tội phạm mà bên được yêu cầu tương trợ coi đó là tội phạm chính trị hoặc tội phạm liên quan đến tội phạm chính trị, hoặc ;

b. Quốc gia này xét thấy việc thực thi yêu cầu đó có khả năng làm phương hại đối với chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc các lợi ích thiết yếu khác.

5. Quốc gia được yêu cầu tương trợ có thể tạm hoãn thực hiện yêu cầu nếu như việc thực hiện yêu cầu có ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình điều tra hình sự hoặc hoạt động tố tụng do các cơ quan chức năng tiến hành.

6. Trước khi từ chối hoặc tạm hoãn việc tương trợ tư pháp, quốc gia ược yêu cầu tương trợ, khi thấy hợp lý và đã tham vấn với quốc gia yêu cầu tương trợ, phải cân nhắc xem liệu yêu cầu có thể được thực hiện một phần hoặc được thực hiện nhưng theo các điều kiện mà quốc gia này cho là cần thiết.

7. Quốc gia được yêu cầu tương trợ phải thông báo ngay cho quốc gia yêu cầu tương trợ về kết quả thực hiện việc tương trợ. Trường hợp từ chối hoặc tạm hoãn việc thực hiện yêu cầu thì phải nêu lý do. Quốc gia được yêu cầu tương trợ phải thông báo cho quốc gia yêu cầu tương trợ về lý do làm cho không thể thực hiện được yêu cầu hoặc có khả năng trì hoãn một cách đáng kể việc thực hiện yêu cầu.

8. Quốc gia yêu cầu tương trợ có quyền yêu cầu quốc gia được yêu cầu tương trợ phải giữ bí mật đối với nội dung trong yêu cầu nêu trong chương này ngoại trừ trường hợp phục vụ chính việc thực thi yêu cầu. Nếu quốc gia được yêu cầu tương trợ không thể tuân thủ được yêu cầu về việc giữ bí mật, quốc gia này phải thông báo ngay cho quốc gia yêu cầu tương trợ để quốc gia yêu cầu tương trợ sẽ quyết định liệu có nên tiếp tục yêu cầu tương trợ hay không.

9.a. Trong trường hợp khẩn cấp, yêu cầu tương trợ hoặc các liên lạc liên quan có thể gửi trực tiếp bởi cơ quan tư pháp của quốc gia yêu cầu tương trợ. Trong trường hợp ấy, bảo sao của yêu cầu phải ược gửi đồng thời cho cơ quan trung ương của quốc gia được yêu cầu thông qua cơ quan trung ương của quốc gia yêu cầu.

b. Bất cứ yêu cầu hoặc liên lạc được thực hiện theo khoản này đều có thể thực hiện thông qua tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol).

c. Trường hợp yêu cầu được thực hiện theo tiểu khoản 9.a. của điều này và cơ quan được yêu cầu không có khả năng xử lý yêu cầu, cơ quan này phải

gửi tới cơ quan chức năng có thẩm quyền của quốc gia được yêu cầu và thông báo trực tiếp cho quốc gia yêu cầu về việc đó.

d. Yêu cầu hoặc liên lạc nếu tài khoản này không liên quan đến các hành động cưỡng chế có thể được truyền tải trực tiếp bởi cơ quan chức năng của quốc gia yêu cầu đến cơ quan chức năng của quốc gia được yêu cầu.

e. Quốc gia thành viên công ước, tại thời điểm ký kết hoặc ký thác văn bản phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc xin gia nhập, có thể thông báo cho Tổng thư ký Hội đồng châu Âu rằng, để đảm bảo tính hiệu quả, các yêu cầu được nêu trong khoản này phải được gửi tới cơ quan trung ương của mình.

Điều 28. Bí mật và hạn chế sử dụng

1. Trường hợp không có hiệp định tương trợ tư pháp hoặc thoả thuận trên cơ sở đạo luật thống nhất hoặc nguyên tắc có đi có lại đang có hiệu lực giữa quốc gia yêu cầu và quốc gia được yêu cầu thì các quy định trong điều này sẽ được áp dụng. Các quy định trong điều này không được áp dụng trong trường hợp các hiệp định, thoả thuận hoặc tạo luật nêu trên tồn tại, trừ khi các quốc gia thành viên có liên quan thoả thuận sẽ áp dụng tất cả hay một phần của điều này thay thế cho các văn bản đó.

2. Quốc gia được yêu cầu có thể cung cấp thông tin hoặc tài liệu tương ứng với yêu cầu theo các điều kiện cụ thể là:

a. Thông tin hoặc tài liệu ấy phải được giữ bí mật nếu không thì sẽ không thực hiện yêu cầu tương trợ.

b. Thông tin hoặc tài liệu ấy không được sử dụng để điều tra hoặc tố tụng ngoài hoạt động điều tra hoặc tố tụng đã nêu trong yêu cầu.

3. Nếu quốc gia yêu cầu không thể tuân thủ điều kiện nêu tại khoản 2 thì quốc gia này phải thông báo ngay cho quốc gia được yêu cầu biết để quốc gia được yêu cầu cân nhắc liệu có cung cấp thông tin, tài liệu hay không. Trường hợp quốc gia yêu cầu chấp nhận các điều kiện thì các điều kiện này sẽ ràng buộc quốc gia này.

4. Quốc gia cung cấp thông tin hoặc tài liệu theo điều kiện nhất định nêu tại khoản 2 điều này có quyền yêu cầu quốc gia nhận thông tin giải thích việc sử dụng thông tin, tài liệu đó theo các điều kiện đã đặt ra.

Nhóm 1
*Tương trợ tư pháp liên quan đến các
biện pháp tạm thời*

Điều 29: Bảo quản khẩn cấp dữ liệu máy tính được lưu trữ

1. Quốc gia thành viên công ước có thể yêu cầu quốc gia thành viên công ước khác ra lệnh hoặc thực hiện biện pháp khác để có được sự bảo quản khẩn cấp các dữ liệu được lưu trữ bởi hệ thống máy tính đang nằm trên lãnh thổ quốc gia được yêu cầu. Liên quan tới việc ấy quốc gia yêu cầu có ý định gửi yêu cầu tương trợ tư pháp để khám xét hoặc các biện pháp tương tự khác truy cập, thu giữ hoặc các biện pháp tương tự khác bảo đảm an toàn, hoặc tiết lộ dữ liệu.

2. Yêu cầu bảo quản dữ liệu theo khoản 1 điều này phải nêu rõ

a. Cơ quan yêu cầu việc bảo quản dữ liệu

b. Loại tội phạm đang được điều tra hoặc tố tụng và bản tóm tắt các tình tiết có liên quan

c. Dữ liệu máy tính đang được lưu trữ muốn được bảo quản và mối quan hệ của nó với tội phạm đang được điều tra, tố tụng.

d. Các thông tin sẵn có nhận diện người quản lý dữ liệu máy tính đang được lưu trữ hoặc địa điểm của hệ thống máy tính

e. Sự cần thiết của việc bảo quản và

f. Rằng quốc gia yêu cầu đang có ý định gửi yêu cầu tương trợ tư pháp để khám xét hoặc các biện pháp truy cập tương tự, thu giữ hoặc các biện pháp bảo đảm an toàn tương tự, hoặc tiết lộ dữ liệu máy tính đang được lưu trữ.

3. Khi nhận được yêu cầu từ quốc gia khác, quốc gia được yêu cầu phải thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để giữ gìn một cách nhanh chóng dữ liệu đã được chỉ định phù hợp với quy định trong luật quốc gia mình. Để đáp ứng yêu cầu, tội phạm kép không được coi là điều kiện để cung cấp sự bảo quản đó.

4. Quốc gia thành viên công ước đòi hỏi phải có tội phạm kép là điều kiện để đáp ứng yêu cầu tương trợ tư pháp trong việc khám xét hoặc thực hiện các biện pháp tương tự để truy cập dữ liệu, thu giữ hoặc thực hiện các biện pháp bảo đảm khác, hoặc tiết lộ dữ liệu máy tính đang được lưu giữ có thể, đối với các tội ngoài các tội quy định từ điều 2 đến điều 11 của công ước này, bảo lưu quyền từ chối yêu cầu giữ gìn dữ liệu nêu trong điều này trong các trường hợp quốc gia này có lý do hợp lý để tin rằng tại thời điểm tiết lộ, điều kiện tội phạm kép không thể đáp ứng.

5. Thêm vào đó, yêu cầu bảo quản dữ liệu chỉ có thể bị từ chối nếu :

a. Yêu cầu liên quan đến tội phạm mà quốc gia được yêu cầu coi đó là tội phạm chính trị hoặc tội phạm liên quan đến tội phạm chính trị, hoặc.

b. Quốc gia được yêu cầu coi việc thực thi yêu cầu tương trợ có khả năng gây tổn thương tới chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc các lợi ích thiết yếu khác.

6. Trường hợp quốc gia được yêu cầu thấy rằng việc giữ gìn dữ liệu không đảm bảo sự sẵn có của dữ liệu được cung cấp trong tương lai hoặc có khả năng làm bộ bí mật hoặc gây tổn hại tới hoạt động điều tra của quốc gia yêu cầu, quốc gia được yêu cầu phải thông báo ngay cho quốc gia yêu cầu để quốc gia yêu cầu cân nhắc có nên thực thi yêu cầu hay không.

7. Bất cứ sự giữ gìn dữ liệu nào được thực hiện theo yêu cầu quy định tại khoản 1 điều này phải được thực hiện trong thời hạn không ít hơn 60 ngày, để tạo khả năng cho quốc gia yêu cầu đệ trình bản yêu cầu khám xét hoặc các biện pháp tương tự khác để truy cập, thu giữ hoặc các biện pháp tương tự khác bảo đảm an toàn, hoặc tiết lộ dữ liệu. Sau khi nhận được yêu cầu đó, dữ liệu phải tiếp tục được giữ gìn chờ có quyết định về yêu cầu đó.

Điều 30. Tiết lộ nhanh dữ liệu lưu thông được bảo quản

1. Trường hợp, trong quá trình thực thi yêu cầu theo quy định tại điều 29 để giữ gìn dữ liệu lưu thông liên quan đến một liên lạc cụ thể, quốc gia được yêu cầu phát hiện thấy nhà cung cấp dịch vụ ở quốc gia khác có liên quan đến việc truyền tải liên lạc, quốc gia được yêu cầu sẽ nhanh chóng tiết lộ cho quốc gia yêu cầu lượng dữ liệu lưu thông đủ lớn để nhận ra nhà cung cấp dịch vụ đó và đường mà liên lạc được truyền tải.

2. Việc tiết lộ dữ liệu lưu thông nêu tại khoản 1 điều này chỉ có thể bị từ chối nếu :

a. Yêu cầu liên quan đến tội phạm mà bên được yêu cầu tương trợ coi đó là tội phạm chính hoặc tội phạm liên quan đến tội phạm chính trị hoặc.

b. Quốc gia này xét thấy việc thực thi yêu cầu đó có khả năng làm thương tổn đối với chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc các lợi ích thiết yếu khác.

Nhóm 2

Tương trợ tư pháp đối với thẩm quyền điều tra

Điều 31 . Tương trợ tư pháp trong việc truy cập các dữ liệu máy tính được lưu trữ.

1. Quốc gia thành viên công ước có quyền yêu cầu quốc gia thành viên công ước khác tiến hành khám xét hoặc truy cập, thu giữ hoặc các bảo đảm tương tự, và tiết lộ dữ liệu lưu trữ bởi hệ thống máy tính trên lãnh thổ của quốc gia được yêu cầu, bao gồm cả dữ liệu đã được gìn giữ theo điều 29.

2. Quốc gia được yêu cầu phải đáp ứng yêu cầu thông qua việc áp dụng các văn bản, thoả thuận và luật quốc tế nêu tại điều 23 và phù hợp với các quy định khác có liên quan trong chương này.

3. Yêu cầu phải được đáp ứng một cách nhanh chóng nếu :

a. Có cơ sở để tin rằng dữ liệu liên quan là đặc biệt dễ bị mất hoặc điều chỉnh hoặc

b. Văn bản, thoả thuận và luật đề cập tại khoản 2 có quy định về việc hỗ trợ nhanh chóng

Điều 32. Truy cập xuyên biên giới đối với dữ liệu máy tính được lưu trữ với sự đồng ý hoặc khi được cung cấp một cách công khai

Quốc gia thành viên có thể, ngay cả khi không có sự cho phép của quốc gia khác.

a. Tiếp cận một cách công khai dữ liệu máy tính được lưu trữ sẵn có (nguồn mở), bất kể dữ liệu này nằm ở khu vực địa lý nào hoặc

b. Truy cập hoặc tiếp nhận, thông qua hệ thống máy tính ở trên lãnh thổ của mình, dữ liệu máy tính được lưu trữ đang nằm ở quốc gia thành viên công ước, nếu quốc gia yêu cầu nhận được sự đồng ý một cách hợp pháp và tự nguyện của người đang có thẩm quyền hợp pháp tiết lộ dữ liệu cho quốc gia yêu cầu thông qua hệ thống máy tính đó.

Điều 33. Tương trợ tư pháp khi thu thập dữ liệu lưu thông trong thời gian thực

1. Quốc gia thành viên công ước phải tương trợ tư pháp đối với nhau trong việc thu thập dữ liệu lưu thông trong thời gian thực có liên quan với liên lạc được điều tra trong lãnh thổ của mình được truyền tải qua hệ thống máy tính. Theo các quy định tại khoản 2 điều này, sự tương trợ này sẽ được điều chỉnh bởi các điều kiện, trình tự và thủ tục quy định trong luật của các quốc gia.

2. Quốc gia thành viên công ước phải cung cấp sự tương trợ tối thiểu là với các tội phạm mà việc thu thập dữ liệu là sẵn có trong hồ sơ vụ việc tương tự quốc gia mình đang tiến hành.

Điều 34. Tương trợ tư pháp đối với việc chặn dữ liệu nội dung

Quốc gia thành viên phải tương trợ tư pháp đối với nhau trong việc thu thập hoặc ghi lại trong thời gian thực dữ liệu nội dung của các liên lạc đã chỉ định được truyền tải bởi hệ thống máy tính trong phạm vi cho phép theo hiệp định được áp dụng và luật của quốc gia mình.

Điều 35. Mạng lưới 24/7

1. Quốc gia thành viên công ước phải chỉ định một (điểm liên lạc) hoạt động 24 giờ một ngày và 7 ngày trong tuần để cung cấp sự hỗ trợ kịp thời việc điều tra hoặc tố tụng đối với tội phạm liên quan đến hệ thống máy tính hoặc dữ liệu máy tính, thu thập chứng cứ dưới hình thức điện tử. Sự hỗ trợ ấy bao gồm hỗ trợ, hoặc, nếu được cho phép bởi luật và thực tiễn quốc gia, trực tiếp tiến hành các biện pháp sau đây:

a. Cung cấp các lời tư vấn kỹ thuật

b. Bảo quản dữ liệu theo điều 29 và điều 30

c. Thu thập chứng cứ, cung cấp thông tin pháp lý và địa điểm của bị can.

2.a. Điểm liên lạc của quốc gia thành viên công ước phải có năng lực thực thi các liên lạc với điểm liên lạc của quốc gia thành viên công ước khác một cách nhanh chóng.

b. Nếu điểm liên lạc chỉ định bởi quốc gia thành viên công ước không phải là một bộ phận của cơ quan chức năng của quốc gia thành viên công ước chịu trách nhiệm về việc hỗ trợ tư pháp quốc tế hoặc dẫn độ, điểm liên lạc phải đảm bảo rằng nó có thể điều phối với cơ quan chức năng kể trên một cách nhanh chóng.

3. Quốc gia thành viên công ước phải bảo đảm sự sẵn có của đội ngũ nhân dự được đào tạo và trang bị để hỗ trợ sự hoạt động của mạng lưới

Chương IV

Các quy định cuối cùng

Điều 36. Ký kết và có hiệu lực

1. Công ước này được để mở cho việc ký kết bởi quốc gia thành viên hội đồng châu Âu và quốc gia không phải thành viên hội đồng châu Âu nhưng đã tham gia soạn thảo công ước.

2. Công ước này phụ thuộc vào việc phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt. Văn bản phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt sẽ được lưu trữ bởi tổng thư ký hội đồng châu Âu.

3. Công ước này sẽ phát sinh hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng ngay sau khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày 05 quốc gia, trong đó ít nhất là 03 quốc gia thành viên hội đồng châu Âu, bày tỏ sự đồng ý ràng buộc bởi công ước này phù hợp với các quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này.

4. Đối với quốc gia bày tỏ sự đồng ý ràng buộc bởi công ước sau thời điểm kể trên thì công ước sẽ phát sinh hiệu lực kể từ ngày đầu tiên của tháng kế tiếp thời điểm hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày quốc gia bày tỏ đồng ý ràng buộc bởi công ước phù hợp với các quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này.

Điều 37. Gia nhập công ước

1. Sau khi công ước có hiệu lực, hội đồng bộ trưởng của hội đồng Châu Âu, sau khi tham vấn và nhận được sự đồng thuận tuyệt đối của các quốc gia thành viên công ước, có thể mời bất cứ quốc gia nào không phải là thành viên hội đồng châu Âu và không tham gia quá trình soạn thảo công ước gia nhập công ước này. Việc ra quyết định sẽ được tiến hành theo 20.d luật hội đồng châu Âu và bởi sự nhất trí tuyệt đối của các đại diện quốc gia thành viên có quyền tham gia hội đồng bộ trưởng.

2. Quốc gia muốn gia nhập công ước theo khoản 1 điều này, công ước sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng kế tiếp thời điểm hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày tổng thư ký hội đồng châu Âu lưu trữ văn bản đề nghị gia nhập.

Điều 38. áp dụng theo lãnh thổ

1. Quốc gia thành viên công ước, tại thời điểm ký kết hoặc gửi lưu trữ văn bản phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc xin gia nhập, có quyền quy định vùng lãnh thổ mà công ước sẽ được áp dụng.

2. Quốc gia thành viên công ước, sau thời điểm kể trên, có thể, bằng việc ra tuyên bố gửi cho tổng thư ký hội đồng châu Âu, mở rộng việc áp dụng công ước này đối với các vùng lãnh thổ khác được nêu trong tuyên bố. Đối với vùng lãnh thổ này, công ước sẽ có hiệu lực kể từ ngày đầu tiên của tháng kế tiếp thời điểm hết thời hạn 03 tháng sau ngày tổng thư ký hội đồng châu Âu nhận được tuyên bố.

3. Các tuyên bố nêu tại 2 khoản kể trên về lãnh thổ được áp dụng công ước có thể được rút lại bằng cách thông báo cho tổng thư ký hội đồng châu Âu. Việc rút lại tuyên bố này sẽ có hiệu lực kể từ ngày đầu tiên của tháng kế tiếp thời điểm hết thời hạn 03 tháng sau ngày tổng thư ký hội đồng châu Âu nhận được thông báo đó.

Điều 39. áp dụng công ước

1. Mục đích của công ước này là bổ sung các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương giữa các quốc gia thành viên công ước, bao gồm các quy định của:

- Công ước châu Âu về dẫn độ ngày 13/12/1957 (ETS No.24) ;
- Công ước châu Âu về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự ngày 20/4/1959 (ETS No.30)
- Nghị định thư bổ sung công ước về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự ngày 17/3/1978 (ETS No.30)

2. Nếu các quốc gia tham gia công ước đã hoặc sẽ ký kết hiệp định hoặc thiết lập các quan hệ riêng về các vấn đề quy định trong công ước này thì các hiệp định này sẽ được ưu tiên áp dụng giữa các quốc gia thành viên hiệp định. Tuy nhiên, các hiệp định này không được trái với mục tiêu và các nguyên tắc của công ước này.

3. Không có quy định nào của công ước này ảnh hưởng tới các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác của quốc gia thành viên công ước.

Điều 40. Tuyên bố

Bằng việc gửi văn bản thông báo cho tổng thư ký hội đồng châu Âu, quốc gia, tại thời điểm ký kết hoặc khi lý thác văn bản phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập, quốc gia có thể tuyên bố rằng quốc gia mình tiếp nhận các khả năng yêu cầu các yếu tố bổ sung quy định tại điều 2, điều 3, khoản 1b điều 6, điều 7, khoản 3 điều 9 và khoản 9e. Điều 27.

Điều 41. Điều khoản liên bang

1. Quốc gia liên bang có thể bảo lưu các nghĩa vụ quy định tại chương II của công ước này phù hợp với các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và chính quyền các bang hoặc các lãnh thổ tương tự với điều kiện điều này vẫn đảm bảo các hoạt động hợp tác quy định tại chương III.

2. Khi đưa ra các bảo lưu như quy định tại khoản 1 điều này, quốc gia liên bang không được áp dụng các điều khoản bảo lưu đó để loại trừ hoặc làm giảm một cách căn bản nghĩa vụ cung cấp các biện pháp quy định tại chương II. Xét về tổng thể, quốc gia này phải đảm bảo năng lực thi hành pháp luật hiệu quả và đủ rộng với các biện pháp này.

3. Đối với các quy định của công ước này mà việc áp dụng nó thuộc về thẩm quyền của chính quyền bang hoặc chính quyền lãnh thổ tương tự bang nhưng lại chưa được quy định trong Hiến pháp liên bang về việc phải có những biện pháp pháp lý, thì chính quyền liên bang phải thông báo cho các cơ quan chức năng của chính quyền bang về các quy định của công ước và khuyến khích các bang có các biện pháp phù hợp để đảm bảo hiệu lực của công ước.

Điều 42. Bảo lưu

Bằng việc gửi văn bản thông báo cho Tổng thư ký hội đồng châu Âu, quốc gia, tại thời điểm ký kết hoặc khi ký thác văn bản phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập, quốc gia có thể tuyên bố rằng quốc gia mình chấp nhận thực hiện các bảo lưu quy định tại khoản 2 điều 4, khoản 3 điều 6, khoản 4 điều 9, khoản 3 điều 10, khoản 3 điều 11, khoản 3 điều 14, khoản 2 điều 22,

khoản 2 điều 22, khoản 4 điều 29, và khoản 1 điều 41. Ngoài các trường hợp trên, các quốc gia không được tuyên bố bảo lưu bất cứ quy định nào khác.

Điều 43. Việc rút lại bảo lưu

1. Quốc gia thành viên công ước đã tuyên bố bảo lưu theo quy định tại điều 42 có quyền rút lại một phần hoặc tất cả các bảo lưu bằng cách gửi văn bản thông báo cho tổng thư ký hội đồng châu Âu nhận được văn bản đề nghị rút lại bảo lưu. Trường hợp tuyên bố rút lại bảo lưu quy định rõ ngày phát sinh hiệu lực của việc rút lại bảo lưu mà ngày đó sau ngày tổng thư ký hội đồng châu Âu nhận được văn bản đề nghị rút lại bảo lưu thì thời điểm có hiệu lực của việc rút lại bảo lưu là ngày mà văn bản đề nghị rút lại bảo lưu đã quy định.

2. Quốc gia thành viên công ước đã tuyên bố bảo lưu theo quy định tại điều 42 phải rút lại các bảo lưu, toàn bộ hoặc một phần, ngay khi điều kiện cho phép.

3. Tổng thư ký hội đồng châu Âu có thể định kỳ đề nghị quốc gia thành viên công ước đã tuyên bố bảo lưu theo quy định tại điều 42 thông báo về khả năng rút lại các bảo lưu.

Điều 44. Sửa đổi

1. Bất cứ quốc gia thành viên nào cũng có quyền đề nghị sửa đổi công ước này. Đề nghị sửa đổi công ước phải được tổng thư ký hội đồng châu Âu gửi cho tất cả các quốc gia thành viên hội đồng châu Âu, các quốc gia vào việc xây dựng công ước hoặc được mời gia nhập công ước, phù hợp với các quy định tại điều 37.

2. Đề nghị sửa đổi của quốc gia thành viên phải được gửi cho Ủy ban Châu Âu về các vấn đề tội phạm (CDPC) và Ủy ban này sẽ đệ trình lên Hội đồng Bộ trưởng quan điểm của Ủy ban về lời đề nghị sửa đổi này.

3. Hội nghị Bộ trưởng sẽ cân nhắc các đề nghị sửa đổi cũng như ý kiến của Ủy ban châu Âu về các vấn đề tội phạm và sau khi tham vấn với các quốc gia thành viên của công ước nhưng không phải là thành viên hội đồng châu Âu, sẽ chấp thuận đề nghị sửa đổi.

4. Biên bản sửa đổi công ước được hội đồng Bộ trưởng thông qua phù hợp với khoản 3 của Điều này phải được gửi trước cho các quốc gia thành viên để được chấp nhận.

5. Bất cứ sự sửa đổi nào phù hợp với khoản 3 của điều này sẽ phát sinh hiệu lực vào ngày thứ 13 sau khi tất cả các thành viên công ước đã thông báo tổng thư ký về việc chấp thuận của họ.

Điều 45. Giải quyết tranh chấp

1. Ủy ban châu Âu về các vấn đề tội phạm (CDPC) sẽ duy trì thông tin về việc giải thích và áp dụng công ước này.

2. Trong trường hợp các quốc gia thành viên có tranh chấp về việc giải thích và áp dụng công ước này, các quốc gia tranh chấp phải tiến hành thương lượng hoặc thực hiện các phương thức giải quyết tranh chấp hòa bình khác, bao gồm cả việc đưa tranh chấp lên Ủy ban châu Âu về các vấn đề tội phạm (CDPC), hoặc một Ủy ban Trọng tài mà quyết định của Ủy ban trọng tài là chung thẩm và có giá trị thi hành đối với các bên, hoặc tới tòa án công lý quốc tế (ICJ), theo sự thoả thuận của các bên.

Điều 46. Tham vấn giữa các bên

1. Các bên tham gia công ước phải tham vấn một cách định kỳ và hợp lý nhằm.

a. Sử dụng và thực thi có hiệu quả công ước này, bao gồm việc phát hiện các vấn đề có liên quan cũng như các tác dụng của các bản tuyên bố hoặc bảo lưu được thực hiện theo công ước này.

b. Trao đổi thông tin về các diễn tiến pháp luật, chính sách hoặc công nghệ quan trọng liên quan đến tội phạm mạng và việc thu thập chứng cứ dưới hình thức điện tử.

c. Cân nhắc việc bổ sung hoặc sửa đổi công ước

2. Ủy ban Châu Âu về các vấn đề tội phạm (CDPC) có trách nhiệm giữ thông tin định kỳ kết quả của các hoạt động tham vấn nêu tại khoản 1.

3. Ủy ban châu Âu về các vấn đề tội phạm (CDPC) có trách nhiệm, một cách hợp lý, thúc đẩy các hoạt động tham vấn nêu tại khoản 1 điều này và

thực hiện các biện pháp cần thiết để hỗ trợ các bên muốn bổ sung hoặc sửa đổi công ước. Chậm nhất là 03 năm sau khi công ước này có hiệu lực, Ủy ban châu Âu về các vấn đề tội phạm (CDPC) phải: hợp tác với các bên tham gia công ước, tiến hành hoạt động đánh giá lại các quy định của công ước, và nếu cần thiết, đề nghị sửa đổi, bổ sung công ước.

4. Trừ trường hợp hội đồng châu Âu có nêu rõ, các chi phí phát sinh trong quá trình thực thi các quy định tại khoản 1 công ước này sẽ do các bên tham gia công ước tự chịu và theo cách thức mà các bên này tự quyết định.

5. Ban thư ký hội đồng châu Âu sẽ hỗ trợ các bên tham gia công ước trong việc thực thi các chức năng phù hợp với điều này.

Điều 47. Từ bỏ công ước

1. Quốc gia thành viên có thể tuyên bố từ bỏ công ước vào bất cứ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho tổng thư ký hội đồng Châu Âu.

2. Việc từ bỏ đó sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng kế tiếp của thời điểm hết thời hạn 03 tháng sau ngày tổng thư ký Hội đồng châu Âu nhận được thông báo từ bỏ công ước.

Điều 48. Thông báo

Tổng thư ký Hội đồng châu Âu phải thông báo các quốc gia thành viên của Hội đồng châu Âu, các quốc gia không phải là thành viên hội đồng châu Âu nhưng đã tham gia xây dựng công ước này cũng như các quốc gia gia nhập công ước, hoặc được mời gia nhập công ước.

- a. Bất kỳ việc ký kết
- b. Việc cam đoan phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc gia nhập
- c. Ngày có hiệu lực của công ước này phù hợp với các quy định tại điều 36 và 37
- d. Các tuyên bố quy định tại điều 40 hoặc bảo lưu được thực hiện phù hợp với điều 42.
- e. Các hành vi khác, thông báo hoặc liên lạc liên quan đến công ước này.

Với sự chứng kiến của những người ký dưới đây, đã được trao đầy đủ thẩm quyền để tiến hành ký công ước này.

Làm tại Budapest, ngày 23 tháng 11 năm 2001, bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, cả hai bản đều có giá trị pháp lý như nhau, bản gốc được lưu trữ tại Hội đồng châu Âu. Tổng thư ký hội đồng châu Âu có trách nhiệm cung cấp các bản sao cho các quốc gia thành viên của Hội đồng châu Âu hoặc các quốc gia không phải thành viên hội đồng châu Âu nhưng đã tham gia soạn thảo công ước và bất cứ quốc gia nào được mời tham gia Công ước.